

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 19 (08/05-12/05/2023)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

G7 tuyên bố tiếp tục tập trung chống lạm phát và đa dạng chuỗi cung ứng;
Mỹ: Lạm phát tháng 4 tiếp tục giảm tốc, tâm lý tiêu dùng giảm xuống mức thấp nhất 6 tháng;
Trung Quốc: Lạm phát thấp nhất 2 năm, thặng dư thương mại nói rộng;
Tình hình sản xuất ASEAN cải thiện mạnh mẽ vào đầu quý 2.
Fed cần tăng lãi suất hơn nữa nếu lạm phát không giảm rõ rệt
BOE: Tăng lãi suất 12 lần liên tiếp lên 4,5%

Kinh tế - tài chính Việt Nam

Ngân hàng Standard Chartered dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 đạt 6,5% và NHNN sẽ giảm lãi suất tái cấp vốn thêm 0,5 điểm % xuống 5% vào cuối quý II/2023;
Một loạt ngân hàng công bố kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2023;
Diễn đàn Ngân hàng 2023: Quan trọng nhất là cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh;
Lãi suất VND liên ngân hàng tiếp tục biến động tăng - giảm đan xen qua các phiên ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống;
Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh giảm phiên đầu tuần và tăng cả 4 phiên còn lại;
Lũy kế từ đầu năm 2023, TPCP và TP có bảo lãnh CP đã huy động được 152.774 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu;
Thanh khoản các sản phẩm quỹ đạt 13.094 tỷ đồng/phiên.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/- 1W	%+/- M	%+/- Y
Qua đêm	4,83	-0,17	1,05	2,02
1 Tuần	4,87	-0,21	0,9	-0,21
2 Tuần	4,51	-0,74	-0,02	-0,77
1 Tháng	5,46	-0,64	-0,02	-2,71
3 Tháng	6,09	-0,43	-2,26	-3,0
6 Tháng	8,4	-0,15	-0,09	-2,51
9Tháng*	8,54	-0,26	-0,85	-1,07

Ghi chú: Ngày áp dụng 04/05/2023

Nguồn: NHNN

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gói thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
08.5.2023	7		1/1	1.855,03	5
09.5.2023	7	-	3/3	2.670,51	5
10.5.2023	7	-	0	0	0
11.5.2023	7	-	0	0	0
12.5.2023	7	-	1/1	354,24	5

Tổng cộng

4879,78

Nguồn: NHNN

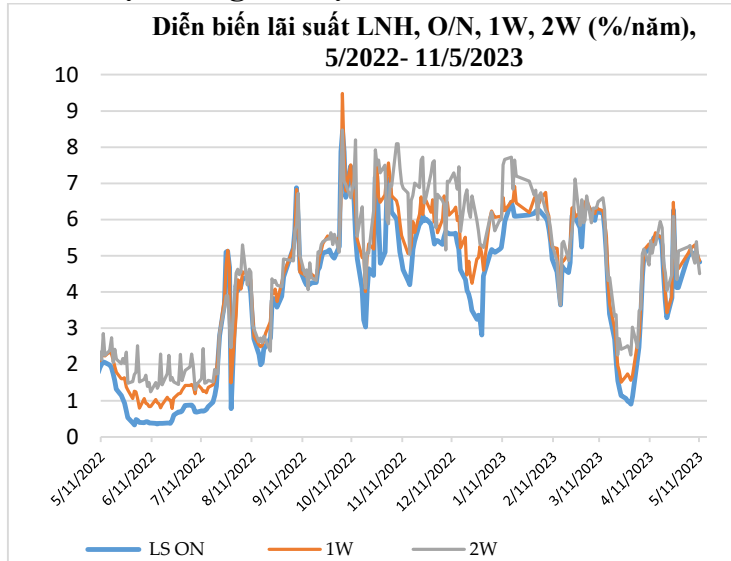
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2023		Tuần 19 (05/05-12/05/2023)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		3,14		4,05			
Tỷ lệ trúng thầu		81%		88%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm			1.000			
2	5 Năm	23.250					
3	7 Năm	2.250					
4	10 Năm	70.250		2.250			
5	15 Năm	83.500		3.000			
6	20 Năm	1.500					
7	30 Năm	7.000		500			
Tổng		187.750		6.750			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	61.717	2,4	4.927	2,4		
3	7 Năm	6.120	3,8				
4	10 Năm	232.873	2,85	11.467	2,85		
5	15 Năm	255.476	3 -	9.987	3 -		
6	20 Năm	5.100	3,75				
7	30 Năm	27.516	3,2	942	3,2		
Tổng		588.802		27.323			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	Tuần trước	So đầu năm 2023
1	3 Năm						
2	5 Năm	17.380	2,49	327	2,49	-0,16	
3	7 Năm	950	3,8				
4	10 Năm	59.549	3 -	2.250	3	-0,12	-1,53
5	15 Năm	69.453	3,1	3.000	3,1	-0,25	-1,62
6	20 Năm	1.000	3,75				
7	30 Năm	4.442	3,4	392	3,4		
Tổng		152.774		5.969			

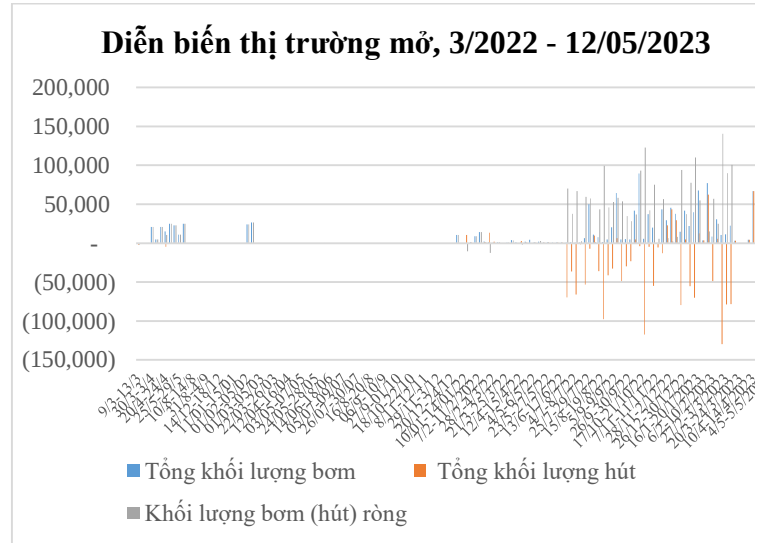
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

1. Thị trường tiền tệ

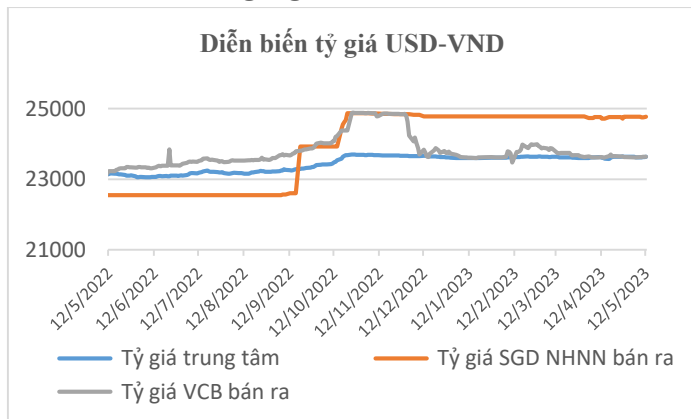


Nguồn: NHNN

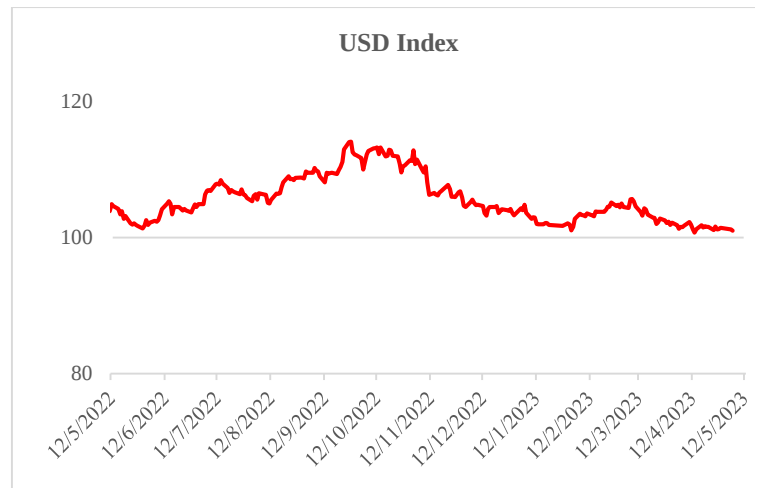


Nguồn: NHNN

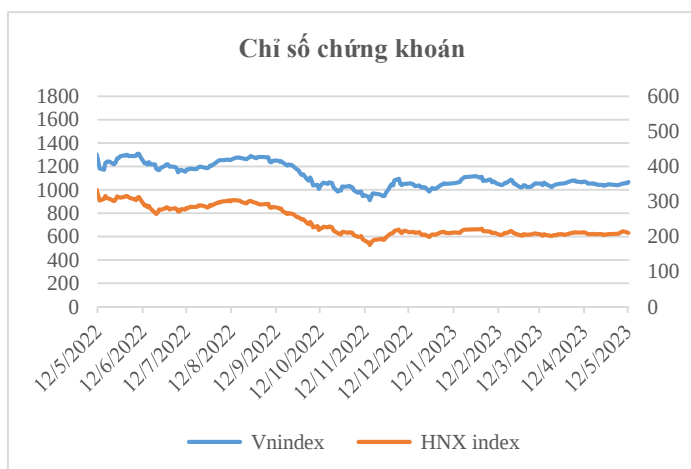
2. Thị trường ngoại hối



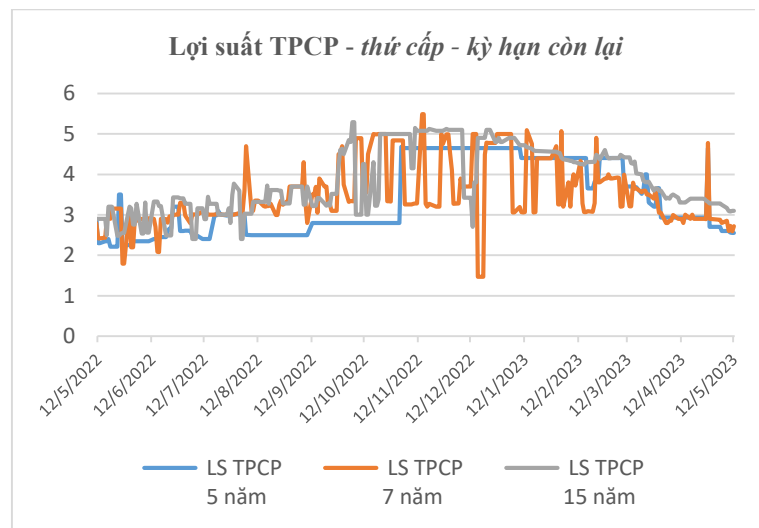
Nguồn: NHNN



3. Thị trường chứng khoán và TPCP



Nguồn: HNX, HSX



Nguồn: HNX

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 19 (08-12/05/2023)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	03/05/2023	14/06/2023
ECB	EURO Zone	3.75%	3.50%	04/05/2023	15/06/2023
BOJ	Nhật Bản	-0.10%	0.00 %	29/01/2016	16/06/2023
PBoC	Tr/Quốc	3.65%	3.70 %	22/08/2022	NA
RBA	Úc	3.85%	3.00%	02/05/2023	06/06/2023
BoE	Anh	4.50%	4.25%	11/05/2023	22/06/2023
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25 %	13/01/2023	25/05/2023
BI	Indonesia	5.75%	5.50%	19/01/2023	25/05/2023
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	06/07/2023
BOT	Thái Lan	1.75%	1.50%	29/03/2023	31/05/2023
CBR	Nga	7.50%	8.00%	16/09/2022	09/06/2023

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	1.08480	-1.53%	-1.77%	4.20%
GBPUSD	1.24570	-1.46%	-0.50%	1.60%
AUDUSD	0.66460	-1.51%	-1.99%	-4.22%
USDJPY	135.710	0.65%	2.38%	5.05%
USDCNY	6.97120	0.73%	1.46%	2.56%
USDCAD	1.35480	1.31%	1.60%	5.01%
USDRUB	76.3600	-1.86%	-6.53%	19.31%
USDKRW	1342.41	1.89%	3.17%	5.00%
DXY	102.6810	1.45%	1.65%	-1.80%
USDTHB	33.9300	0.15%	-0.09%	-2.22%
USDSGD	4.47700	0.95%	1.80%	1.84%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	3.4630	0.02%	0.01%	0.53%
United Kingdom	3.7820	0.00%	0.21%	2.04%
Japan	0.3860	-0.03%	-0.09%	0.15%
Australia	3.3270	-0.07%	0.04%	-0.07%
Germany	2.2660	-0.03%	-0.11%	1.32%
China	2.7140	-0.02%	-0.12%	-0.10%
Singapore	2.7300	0.06%	-0.02%	-0.04%
South Korea	3.2710	-0.01%	0.00%	0.06%
Taiwan	1.1400	-0.02%	-0.05%	-0.22%
Thailand	2.4900	0.03%	-0.05%	-0.83%
Vietnam	3.1180	-0.15%	-0.37%	-0.30%
Hong Kong	3.1050	0.00%	0.13%	0.19%
Indonesia	6.4050	-0.03%	-0.24%	-0.97%
Malaysia	3.7700	-0.04%	-0.13%	-0.68%
Philippines	5.8200	-0.12%	-0.43%	-0.60%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/- % 1 W	+/- % 1 M	+/- % YTD	+/- % 1Y	+/- % 3 Y
Dow Jones	-0.03%	-1.11%	-1.73%	+0.46%	+3.43%
S&P 500	-0.16%	-0.29%	-0.33%	+7.41%	+2.49%
Nasdaq	-0.35%	+0.40%	+1.33%	+17.37%	+4.06%
DAX	+0.50%	-0.30%	+0.67%	+14.29%	+13.44%
FTSE 100	+0.31%	-0.31%	-1.49%	+4.06%	+4.54%
CAC 40	+0.45%	-0.24%	-1.39%	+14.54%	+16.54%
Euro Stoxx 50	+0.19%	-0.52%	-1.66%	+13.82%	+16.59%
Nikkei 225	+0.90%	+0.79%	+3.14%	+12.62%	+11.20%
Shanghai	-1.12%	-1.86%	-1.97%	+5.93%	+6.10%
Hang Seng	-0.59%	-2.11%	-3.97%	-0.78%	-1.36%
SET	-0.39%	+1.83%	-1.97%	-6.43%	-1.45%
KOSPI	-0.63%	-1.02%	-3.74%	+10.69%	-4.95%
IDX Com	-0.71%	-1.18%	-1.63%	-2.09%	+1.66%
PSEi	-1.46%	-1.61%	+1.48%	+0.18%	+3.12%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	70.040	-1.82%	-14.63%	-34.09%
Natural gas USD/MMBtu	2.2735	6.39%	13.28%	-70.33%
Gasoline USD/Gal	2.4324	2.24%	-14.10%	-35.73%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2010.63	-0.29%	-1.43%	11.01%
Silver USD/t.oz	23.961	-6.58%	-7.12%	13.72%
Lithium CNY/T	202500	10.96%	2.53%	-55.74%
Platinum SD/t.oz	1049.55	-0.91%	0.23%	11.83%

I. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	3.7165	-4.00%	-9.88%	-10.96%
Steel CNY/T	3558.00	0.17%	-9.63%	-29.10%
Iron Ore USD/T	102.50	3.02%	-14.58%	-17.67%
Aluminum USD/T	2243.00	-3.26%	-5.24%	-19.55%
Tin USD/T	25846	-3.48%	8.90%	-27.75%
Zinc USD/T	2554.00	-4.93%	-9.98%	-26.81%
Nikel USD/T	22110	-9.56%	-6.11%	-18.63%
Coal USD/T	166.50	-1.86%	-12.71%	-57.63%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 14/05/2023

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Tuyên bố của Hội nghị bộ trưởng tài chính và thống đốc G7 (Nhật Bản)

Các bộ trưởng tài chính và ngân hàng trung ương nhận định nền kinh tế toàn cầu dù còn nhiều bất ổn nhưng đã cho thấy khả năng phục hồi trước nhiều cú sốc, bao gồm đại dịch, cuộc chiến ở Ukraine và áp lực lạm phát, đổ vỡ ngân hàng...

Mỹ: Lạm phát tháng 4 tiếp tục giảm tốc

CPI tăng chậm lại còn 4,9% - mức thấp nhất.

Lạm phát bất ngờ giảm tốc chậm hơn còn 4,9% yoy - mức thấp nhất kể từ tháng 4/2021 (tháng 3 và dự báo là 5%). So với tháng trước, CPI tăng 0,4% - cao hơn nhiều so với mức 0,1% trong tháng 3 nhưng khớp với kỳ vọng. Giá năng lượng giảm tháng thứ 2, giảm 5,1% yoy (tháng trước -6,4%).

Giá lương thực giảm tốc chậm lại ở mức thấp nhất 15 tháng (7,7% so với tháng trước 8,5%). CPI lõi tăng 5,5% yoy và 0,4% mom như kỳ vọng thị trường.

Giá sản xuất giảm tốc 10 tháng liên tiếp

PPI tăng 0,2% mom (dự báo 0,3%), chủ yếu do chi phí dịch vụ tăng (0,3% - mức tăng nhiều nhất từ tháng 11/2022). So với cùng kỳ năm trước, PPI tăng nhẹ 2,3% - giảm tốc 10 tháng liên.

PPI lõi tăng 0,2% mom, 3,2% yoy.

Tâm lý tiêu dùng giảm xuống mức thấp nhất 6 tháng.

Chỉ số tâm lý tiêu dùng tháng 5/2023 của Đại học Michigan công bố giảm xuống 57,7 (tháng 4 là 63,5 điểm) - mức thấp nhất trong 6 tháng do có những lo ngại mới về tình hình bất ổn của nền kinh tế.

Trung Quốc: Lạm phát thấp nhất 2 năm, thặng dư thương mại nổi trội

Lạm phát đã giảm xuống còn 0,1% yoy vào tháng 4/2023 từ mức 0,7% của tháng trước,

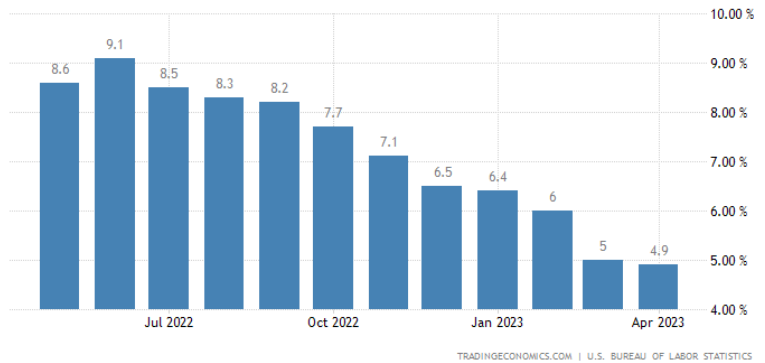
G7 tuyên bố tiếp tục tập trung chống lạm phát và đa dạng chuỗi cung ứng:

Sẽ tiếp tục chống lại lạm phát và giữ nguyên đánh giá đưa ra hồi tháng 4 rằng hệ thống tài chính toàn cầu "có khả năng phục hồi tốt" và sẽ giải quyết "những lỗ hổng về dữ liệu, giám sát và quy định trong hệ thống ngân hàng".

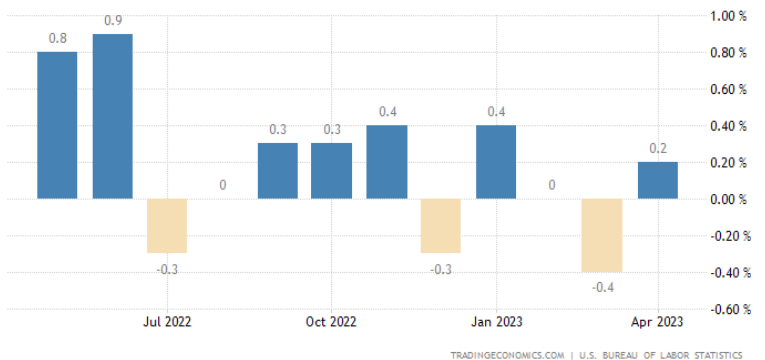
Nỗ lực đa dạng hóa chuỗi cung ứng và giảm sự phụ thuộc của G7 vào Trung Quốc. Cuối năm nay sẽ khởi động một kế hoạch mới nhằm đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu (Dự kiến cung cấp viện trợ cho các nước có thu nhập thấp và trung bình để đảm bảo họ có vai trò lớn hơn trong chuỗi cung ứng các sản phẩm liên quan đến năng lượng).

Nguồn: Nikkei

CPI tiếp tục giảm tốc



PPI tăng nhẹ, thấp hơn dự báo



Kỳ vọng lạm phát ngắn hạn (1 năm) giảm còn 4,4% từ mức tháng trước là 4,7%, chủ yếu do mức tăng chi phí giáo dục và lương thực nhẹ hơn.

Kỳ vọng lạm phát trong vòng 3 – 5 năm tới tăng 0,1 điểm % lên 2,9% và 2,6% - cao nhất kể từ năm 2011.

Nguồn: BLS/FED/Tradingeconomics

Lạm phát tháng 4/2023 thấp nhất 2 năm

thấp hơn ước tính của thị trường là 0,4% - thấp nhất kể từ tháng 2/2021 trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi không đồng đều sau khi gỡ bỏ chính sách zero-COVID, với giá cả thực phẩm và phi thực phẩm tiếp tục giảm. Lương thực giảm xuống mức thấp nhất trong 13 tháng (0,4% so với 2,4% trong tháng 3). Giá tiêu dùng cốt lõi, không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng dễ biến động, tăng 0,7% so với cùng kỳ, bằng tốc độ của tháng Ba. So với tháng trước, giá tiêu dùng bất ngờ giảm 0,1%, tháng giảm thứ ba liên tiếp.

PPI giảm mạnh nhất trong 3 năm qua tới 3,6% yoy (tháng 3 giảm 2,5%, dự báo 3,2%), giảm 0,5% mom.

Xuất khẩu tăng 8,5% yoy, vượt dự báo thị trường 8% nhưng vẫn thấp hơn tháng trước (14,8%) – đã 2 tháng liên tiếp tăng.

Nhập khẩu giảm 7,9% (dự báo không giảm) do nhu cầu yếu, giá hàng hóa giảm và đồng USD mạnh lên. Trong đó, nhập khẩu từ Mỹ giảm 3,1%, nhập khẩu từ ASEAN và EU giảm 6,3% và 0,1%.

Thặng dư thương mại nói rộng

Tháng 4, Trung Quốc đạt mức thặng dư lên đến 90,2 tỷ USD (cùng kỳ năm trước chỉ gần 50 tỷ USD). Thương mại với Mỹ tiếp tục tăng lên 29,7 tỷ USD.

Kinh tế khu vực ASEAN: Tình hình sản xuất cải thiện mạnh mẽ vào đầu quý 2.

Tình trạng tăng được hỗ trợ bằng mức tăng nhanh hơn của cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới. Số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng tháng thứ tư liên tiếp, và tốc độ tăng nhanh nhất kể từ tháng 9/2022, tác động đẩy sản lượng tăng nhanh nhất trong thời gian 18 tháng.

Áp lực giá cả tiếp tục giảm, với cả chi phí đầu vào và giá cả đầu ra đều tăng với tốc độ chậm hơn mức trung bình tương ứng.

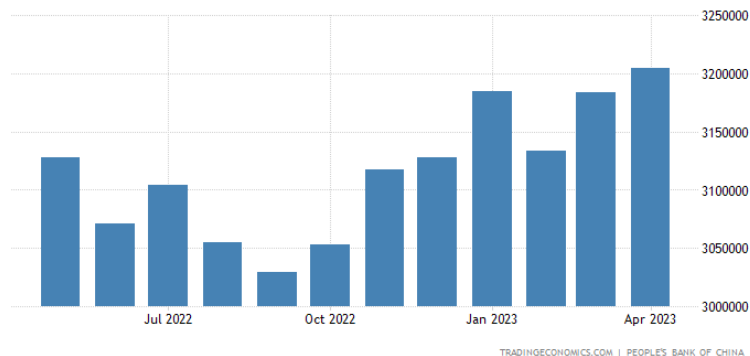
Triển vọng sản xuất trong thời gian 12 tháng tới của ngành sản xuất ASEAN đã mạnh lên trong tháng 4, với mức độ lạc quan chung đạt mức cao của sáu tháng.

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Kết thúc phiên giao dịch ngày cuối tuần, hợp đồng dầu Brent giảm 81 cent (tương đương 1,1%) còn



Dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng

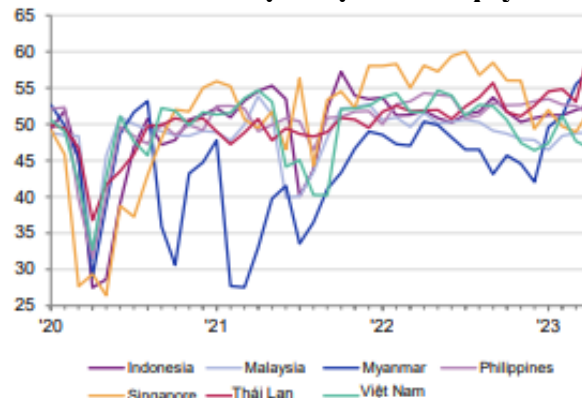


Dự trữ ngoại hối đến tháng 4/2023 tăng lên 3,205 nghìn tỷ USD (tháng trước là 3,184 nghìn tỷ, dự báo 3,192 nghìn tỷ USD). Đây là mức tăng lớn nhất kể từ tháng 2/2022, chủ yếu do USD giảm giá so với các đồng tiền mạnh khác.

CNY giảm 0,63% so với USD trong tháng 4/2023, trong khi USD giảm 0,94% so với rổ tiền tệ mạnh.

Nguồn: NBS/Tradingeconomics

PMI ASEAN cải thiện mạnh đầu quý II/2023



Tăng trưởng sản xuất ở 5/7 quốc gia ASEAN trong kỳ khảo sát tháng 4, tốc độ tăng nhanh nhất thuộc về Thái Lan. Malaysia và Việt Nam là hai quốc gia có hoạt động sản xuất suy giảm. Việt Nam nằm cuối bảng xếp hạng tháng thứ hai liên tiếp. Tình hình sản xuất Việt Nam suy giảm nhanh hơn, với chỉ số toàn phần (46,7 điểm) thấp nhất trong vòng bốn tháng.

Nguồn: S&P Global

Vàng theo đà giảm

74,17 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI giảm 83 cent (tương đương 1,2%) còn 70,04 USD/thùng. Cả 2 hợp đồng dầu đều giảm 1,5% so với đầu tuần.

USD duy trì mức tăng nhẹ có tuần tăng mạnh nhất kể từ tháng 2/2023, khi sự bất định về vấn đề trần nợ tại Mỹ và chính sách tiền tệ đã thúc đẩy nhà đầu tư chuyển hướng sang các tài sản trú ẩn an toàn. USD mạnh hơn làm giá dầu trở nên đắt đỏ hơn.

II. Thị trường tài chính
NHTW các nước

FED: Cần tăng lãi suất hơn nữa nếu lạm phát không giảm rõ rệt
Thành viên ban điều hành của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), Thống đốc Michelle Bowman cho biết có thể Fed cần tăng lãi suất hơn nữa nếu lạm phát không giảm rõ rệt trong những tuần tới và thị trường lao động vẫn eo hẹp thì Fed có thể sẽ cần thắt chặt thêm chính sách tiền tệ.

BOE: Tăng lãi suất 12 lần liên tiếp lên 4,5%
Ngày 11/5/2023, Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) tăng lãi suất cơ bản từ 4,25% lên 4,5%, mức cao nhất trong gần 15 năm qua. Đây là lần tăng lãi suất thứ 12 liên tiếp của BoE nhằm giảm lạm phát hiện ở mức 10,1%. BOE dự báo kỳ vọng lạm phát sẽ giảm từ 10,1% hiện nay xuống còn 5,1% vào quý IV/2023; GDP chỉ trên 1% trong 3 năm tới, tỷ lệ thất nghiệp sẽ tăng từ 3,8% hiện nay lên 4,5%.

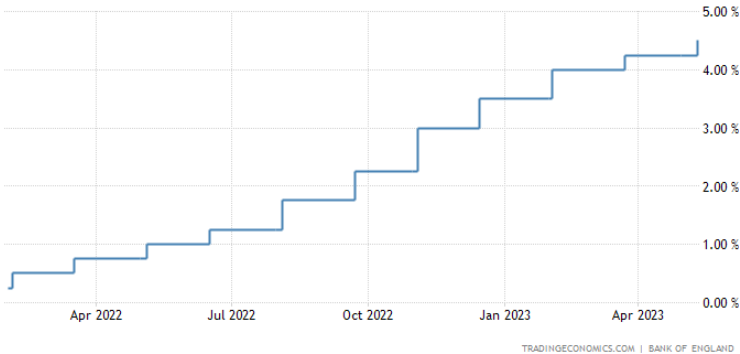
Kết thúc phiên giao dịch ngày cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay giảm 0,24% xuống 2.010,84 USD/oz, sau khi giảm tới 0,7% vào đầu phiên. Hợp đồng vàng tương lai giảm 0,2% còn 2.016,40 USD/oz. Đồng USD đã tăng lên mức cao nhất trong 1 tháng và ghi nhận tuần tăng mạnh nhất kể từ tháng 2/2023, khiến vàng trở nên kém hấp dẫn hơn. Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm cao hơn cũng làm giảm sức hấp dẫn của kim loại quý vốn không đem lại lợi suất.

Nguồn: World Bank/OPEC/Kitco

LÃI SUẤT MỤC TIÊU (ĐIỂM CƠ BẢN)	XÁC SUẤT(%)		
	HIỆN TẠI *	TUẦN TRƯỚC 05/05/2023	THÁNG TRƯỚC 14/04/2023
475-500	0.0%	0.0%	17.4%
500-525 (hiện tại)	82.3%	91.5%	66.1%
525-550	17.7%	8.5%	16.6%

* Dữ liệu đến ngày 05/3/2023

Nguồn: Fed/CME
BOE 12 lần tăng lãi suất liên tiếp



B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. Kinh tế vĩ mô
Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam 6,5%
Ngân hàng Standard Chartered đã hạ dự báo tăng trưởng GDP năm 2023 của Việt Nam xuống 6,5% từ mức 7,2% dự báo trước đó. Các yếu tố tác động từ bên ngoài được cân nhắc xem xét thận trọng hơn.

Diễn đàn Ngân hàng 2023: Quan trọng nhất là cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh
Giải pháp quan trọng nhất hiện nay để giữ nhịp tăng trưởng cho nền kinh tế là phải quyết

Standard Chartered dự báo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) sẽ giảm lãi suất tái cấp vốn thêm 0,5 điểm % xuống 5% vào cuối quý II/2023, sau đó sẽ duy trì lãi suất ổn định cho đến cuối năm 2025. Cũng có thể xảy ra tình huống lãi suất sẽ tăng, đặc biệt là vào cuối năm, tùy vào việc NHNN có thể sẽ chú trọng vào sự ổn định của thị trường tài chính hay là tăng trưởng kinh tế.

Nguồn: Standard Chartered Bank

Chính sách tiền tệ cũng cần đa mục tiêu hơn, ngoài những mục tiêu thông thường cần thêm trọng tâm ổn định tiền tệ - tài chính trong bối cảnh thị trường bất ổn.

liệt cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính (dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung) theo Chỉ thị 280 ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong bối cảnh bất ổn, Việt Nam cần sớm có khung xử lý khủng hoảng nếu xảy ra sự cố.

Một loạt ngân hàng công bố kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2023

VietinBank đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ trong năm 2023 từ gần 12.330 tỷ đồng lên 60.387 tỷ đồng, hoặc trên 66.000 tỷ đồng. BIDV đặt mục tiêu tăng vốn điều lệ từ 50.585 tỷ đồng lên 61.557 tỷ đồng; Vietcombank có kế hoạch tăng vốn điều lệ từ hơn 47.325 tỷ đồng lên trên 75.000 tỷ đồng.

Mức vốn điều lệ lớn cho phép các ngân hàng tăng quy mô tài sản, nâng cao năng lực tài chính, mở rộng hơn nữa hoạt động kinh doanh thông qua việc tăng giới hạn được cấp tín dụng.

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường tiền tệ trong tuần 18

- Lãi suất VND liên ngân hàng tiếp tục biến động tăng - giảm đan xen qua các phiên ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.

- NHNN hút ròng 54.758,25 tỷ đồng từ thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở. NHNN không chào thầu tín phiếu và cũng không có tín phiếu đáo hạn trong tuần qua.

Chính sách tài khóa tiếp tục là chủ lực, nói lỏng, có trọng tâm, trọng điểm trong năm 2033.

Dự báo một số chỉ tiêu tài chính, tiền tệ năm 2023

Chỉ số	2018	2019	2020	2021	2022	2023f
TT tín dụng (%)	13.89	13.65	12.17	13.61	14.18	13-14
Nợ xấu nội bảng (%)	1.91	1.63	1.69	1.49	1.92	2.5
TT huy động vốn (%)	12.6	15.4	15.44	9.20	8	10
Cung tiền M2 (%)	12.41	14.78	14.53	10.66	6.15	10
VNIndex	892.54	960.99	1,103.87	1,498.28	1,007.09	1,128.8/1,230.3 (+13-23%)
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55.5	78.3	94.8	109.4	84 (e)	105

Nguồn: ING, Viện ĐTNC BIDV (4-2023).

Nguồn: Diễn đàn ngân hàng 2023/Vneconomy.vn

Một số ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân cũng có kế hoạch tăng vốn:

VPBank có kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 67.434 tỷ đồng lên hơn 79.339 tỷ đồng.

MB dự kiến tăng vốn điều lệ thêm hơn 9.000 tỷ đồng, lên 54.363 tỷ đồng.

HDBank có kế hoạch tăng vốn điều lệ từ hơn 25.303 tỷ đồng lên xấp xỉ 29.300 tỷ đồng.

TPBank đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 15.817,5 tỷ đồng lên 22.016 tỷ đồng.

NCB sẽ tăng vốn điều lệ từ 5.602 tỷ đồng lên gần 11.802 tỷ đồng thông qua phát hành 620 triệu cổ phiếu riêng lẻ...

Nguồn: sbv.gov.vn/baodautu.vn

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng tuần từ 8-12/5, lãi suất VND liên ngân hàng tiếp tục biến động tăng - giảm đan xen qua các phiên ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống. Chốt ngày 12/5, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 4,91% (-0,07 điểm phần trăm so với phiên cuối tuần trước đó); 1 tuần 4,96% (-0,14 điểm phần trăm); 2 tuần 5,04% (-0,14 điểm phần trăm); 1 tháng 5,23% (-0,10 điểm phần trăm).

- Thị trường mở tuần từ 8-12/5, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở 2 kỳ hạn 7 ngày và 28 ngày, mỗi kỳ hạn 50.000 tỷ đồng đều với lãi suất 5,0%; có 4.879,78 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 934,23 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày; có 60.572,26 tỷ đồng đáo hạn.

- Thị trường mở tuần từ 8-12/5, NHNN chào thầu 110.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố, chia đều cho 2 kỳ hạn 7 ngày và 28 ngày, đều với lãi suất 5,0%; có 6.819,234 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 466,59 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày; có 29.591,92 tỷ đồng đáo hạn.

2.2. Thị trường ngoại hối

- Diễn biến thị trường ngoại tệ và tỷ giá VND/USD trong tuần không ghi nhận biến động bất thường.

- Chỉ số USD Index trong tuần tăng 1,45% so với cuối phiên tuần trước, tăng lên 102.681 điểm phiên cuối tuần từ mức 101.214 điểm cuối phiên tuần trước. Nguyên nhân là do nhu cầu trú ẩn an toàn gia tăng khi bất ổn kinh tế toàn cầu khiến các nhà đầu tư lo ngại tài sản rủi ro; Bên cạnh đó, lãnh đạo Fed có thể tăng lãi suất thêm nếu lạm phát tiếp tục tăng.

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 8-12/5/2023, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh giảm phiên đầu tuần và tăng cả 4 phiên còn lại. Chốt ngày 12/5, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.640 VND/USD, tăng 18 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

- Sở Giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua USD ở 23.450 VND/USD, giá bán ở 24.780 VND/USD.

- Tỷ giá do Ngân hàng VCB niêm yết tăng nhẹ 10 đồng ở 2 phiên đầu tuần so với phiên cuối tuần trước ở mức 23.630 USD/VND và tăng thêm 10 đồng và giữ nguyên cho hết tuần ở mức 23.640 USD/VND.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp: Tuần 17-21/04/2023

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **5.969/6.750** tỷ đồng, trúng tương ứng với tỷ lệ là gần 88%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với tuần trước: 5 năm - lãi suất 2,49 % (*giảm 0,16 điểm %*); 10 năm - lãi suất 3 % (*giảm 0,12 điểm %*); 15 năm - lãi suất 3,1 % (*giảm 0,25 điểm %*).

Lũy kế từ đầu năm 2023, TPCP và TP có bảo lãnh CP đã huy động được **152.774** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Trên thị trường thứ cấp: Tuần 19 (05/05-12/05/2023).

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 7.189 tỷ đồng/ phiên, tăng lần lượt 55% và 31,2% so với tuần trước và Quý 1/2023. Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP bảo lãnh biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

1năm	tăng	0.2508	điểm%
5năm	tăng	0.05	điểm%
7năm	giảm	-0.08	điểm%
10năm	giảm	-0.13	điểm%
15năm	giảm	-0.1523	điểm%

Nguồn: HNX; HSX; NHNN

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán: Tuần qua các chỉ số của thị trường đã tăng nhẹ so với tuần trước, thanh khoản các sàn bình quân đạt 13.094 tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là 1066,9 điểm (+26,59 điểm; +2,6%) và HNXIndex đóng cửa ở 210,92 điểm (+3,12 điểm; +1,5%) so với tuần giao dịch trước.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 12/05/2023 là 58,4%. Với mức này thì giảm 64,97 điểm % so với cuối năm 2021 và tăng 0,8 điểm % so với cuối năm 2022.

Khối ngoại đã bán ròng gần 170 tỷ VND trong tuần qua.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày cuối tuần. (5,532 triệu tỷ VND)

2. GDP TCTK công bố 4 quý liền kề FMSIS (9,467 triệu tỷ VND)

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC

VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
1. Chính phủ, bộ ngành				
TTCP	Quyết định 486/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về mức lãi suất cho vay ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội áp dụng đối với các khoản vay có dư nợ để mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa nhà để ở	10/5/2023	10/5/2023 đến 31/12/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html
CP	Nghị quyết 74/NQ-CP của Chính phủ phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2023	07/5/2023	07/5/2023	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=8
CP	Chỉ thị 12/CT-TTg của TTCP về nhiệm vụ, giải pháp đổi mới hoạt động của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy nguồn lực đầu tư của 19 tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước trực thuộc	06/5/2023	06/5/2023	
CP	Nghị định 21/2023/NĐ-CP quy định về bảo hiểm vi mô	05/5/2023	05/5/2023	

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
1. Chính phủ, bộ ngành				
CP	Dự thảo Nghị định về vị trí việc làm và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thay thế Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập	09/5/2023		https://luatvietnam.vn/du-thao.html
BNV	Dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và hội	09/5/2023		
2. Tài chính				
BTC	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế và Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.	08/5/2023		https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban
BTC	Dự thảo Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính.	05/5/2023		
BTC	Dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư 56/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn phương pháp tính toán các chỉ tiêu giám sát và tổ chức hoạt động giám sát nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia	05/5/2023		

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA